

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 12-7-2024
V/v Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Bà Nguyễn Thị Nhàn

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 6 và 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Kim L, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

2/ Ông Hứa Văn V, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số G ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

3/ Bà Mai Thị C, sinh năm 1939;

4/ Bà Huỳnh Thúy H, sinh năm 1972;

5/ Ông Huỳnh Thanh T2, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số C Lô B, KDC P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

6/ Bà Huỳnh Thúy N1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số A Hậu Giang, phường E, quận F, thành phố H.

7/ Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số A T, phường A, quận A, thành phố H.

8/ Bà Huỳnh Thị Hồng N3, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số H ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà Mai Thị C, bà Huỳnh Thúy H, ông Huỳnh Thanh T2, bà Huỳnh Thúy N1, bà Huỳnh Thị N2, bà Huỳnh Thị Hồng N3: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số A ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ (*Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2023*).

(Tại phiên tòa có mặt ông Huỳnh Thanh T, ông Nguyễn Văn T1, Luật sư Nguyễn Thị Kim L; Bà Nguyễn Kim N, ông Hứa Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh T là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà C, bà H, bà N1, ông T2, bà N2, bà N3 trình bày:

Phần đất của bên ông T thuộc thửa 249, tờ bản đồ số 1A, diện tích cấp 315m² do cha ông T là ông Huỳnh Văn A (đã chết) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ), do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 07/01/1999. Đến năm 2006 nhà nước thu hồi 158,2m² để cải tạo, nâng cấp QL80 nên diện tích còn lại là 156,8m² (T). Giáp ranh với đất của bên ông T là phần đất của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 17 do ông T1 đứng tên QSDĐ, cùng tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ.

Trước đây ranh giới đất hai bên có con mương chung chiều ngang khoảng 6m, mỗi bên ½ mương. Khi cha ông T còn sống, vào năm 1999 đã bán ½ con mương cho ông Hứa Văn V (là anh rể ông T1) với giá 7 chỉ vàng 24k, sau đó giữa ông V và ông T1 thỏa thuận cho ông T1 đứng tên QSDĐ (trong đó có phần nửa con mương mua của cha ông T) như thế nào thì ông T không rõ. Sau đó, bà Nguyễn Kim N (em ông T1) vô cát nhà ở ngay vị trí con mương trước đây mà cha ông T đã bán cho ông V, khi bà N cát nhà ông T không hay, theo ông T căn nhà bà N cát đã lấn qua đất ông T chiều ngang khoảng 3m.

Sau khi cha ông T chết (năm 2016), ông T được mẹ (bà Mai Thị C) và các anh chị em lập văn bản thỏa thuận thống nhất cho ông T được kê khai thừa kế đứng tên phần đất thửa 249, tờ bản đồ số 1A. Khi cán bộ đo đạc tới đo đạc ông T muốn hòa giải để làm thủ tục thừa kế nên ông T xác định ranh hai bên là vách nhà bà N (không chỉ vào nhà bà N 3m) nhưng ông T1 không đồng ý mà xác định ranh qua phần đất ông T khoảng 1m, hiện trạng là một phần nhà ở của ông T nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả lại phần đất cho ông T có kích thước: chiều ngang 3m, chiều dài 14m, diện tích 42m² (trên đất có một phần căn nhà của bà Nguyễn Kim N), khi Tòa án đo đạc và tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định ranh đất cặp theo vách tường nhà bà N.

Nay ông T xác định ranh đất giữa đất ông T với đất ông T1 cặp theo vách tường nhà bà N là đường thẳng từ mốc 17 - mốc 22 của Sơ đồ đo đạc ngày 08/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S (Sơ đồ đo đạc), do đó toàn bộ diện tích tranh chấp 12,6m² (Hình 2) thuộc QSD của bên ông T. Trường hợp xác định ranh như ông T1 yêu cầu thì phần nhà ông T sẽ tự tháo dỡ không yêu cầu gì. Hiện bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa 249 ông T đang giữ. Ông T đồng ý với kết quả đo đạc, kết quả xem xét, thẩm định, định giá. Ngoài ra, ông T không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Phần đất của ông T1 thuộc Thửa 49, tờ bản đồ số 17, diện tích cấp 403,1m² do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông T1 đứng tên QSDĐ ngày 28/10/2021, tọa lạc tại ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ. Đất ông T1 giáp ranh với thửa đất 249 của ông Huỳnh Văn A (cha ông T).

Nguồn gốc đất ông T1 là của mẹ ông T1 bà Đặng Thị T3 (đã chết), khi còn sống mẹ ông T1 có cho vợ chồng bà S, ông V (em ông T1) một phần đất để cất nhà, vị trí giáp mương ranh với ông Huỳnh Văn A, sau đó ông V có thỏa thuận mua thêm ½ con mương của ông A giá 7 chỉ vàng (có làm giấy tay). Theo thỏa thuận trong gia đình, mẹ ông T1 chuyển nhượng lại toàn bộ phần đất cho bà S, sau đó khoảng năm 2007 bà S, ông V chuyển nhượng lại cho ông T1 với giá 50 triệu đồng, nhưng đến ngày 10/6/2021 hai bên mới ra công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng sang tên cho ông T1. Ngày 28/10/2021 ông T1 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Trước đó, ông T1 có cho bà N vô cất nhà ở tại vị trí con mương ranh mà ông V đã mua của ông A trước đây, kích thước nhà ngang 5m x dài 13m, loại nhà xây kiên cố nhưng chưa tách QSDĐ cho bà N đứng tên. Khi bà N cất nhà chưa cất hết tới ranh đất mà còn chừa lại một phần đất trống giáp với bên ông T.

Ông T1 xác định ranh đất hai bên là đường thẳng nối mốc 18 - mốc 21 của Sơ đồ đo đạc (từ vách nhà bà N hướng về đất ông T phía sau là 1,05m và phía trước giáp QL80 là 0,74m). Theo đó toàn bộ diện tích tranh chấp 12,6m² (Hình 2) thuộc QSD của bên ông T1. Ông T1 đồng ý với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định, định giá. Hiện bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa 49 ông T1 đang giữ. Ngoài ra, ông T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim N trình bày:

Bà N là em ông T1, khoảng năm 2005 ông V (là anh rể) có cho bà N về cất nhà ở trên đất của ông V, lúc đầu bà N cất nhà tol, sau đó sửa chữa lại kiên cố như hiện nay. Sau khi bà N cất nhà thì ông V chuyển nhượng đất lại cho ông T1 (có nhà bà N). Hiện nay, căn nhà bà N xây dựng nằm hoàn toàn trên đất thửa 49, tờ bản đồ số 17 do ông T1 đang đứng tên. Bà N, không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ

án. Bà N đồng ý với kết quả đo đạc, kết quả xem xét, thẩm định, định giá. Ngoài ra, bà N không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn V trình bày:

Ông V mới quan hệ là anh rể của ông T1. Trước đây cha mẹ vợ ông có cho ông một nền nhà sát với mương ranh với bên ông Huỳnh Văn A, đến năm 1999 ông V có làm giấy tay mua luôn phần nửa con mương của ông Huỳnh Văn A với giá 07 chỉ vàng 24k (không nói diện tích cụ thể). Hiện trạng con mương khi đó là mương lạng chiều ngang khoảng 6m (mỗi bên $\frac{1}{2}$ mương tương đương khoảng 3m). Sau khi mua thêm nửa mương thì toàn bộ con mương là của ông V. Khi đó 2 bên có cắm trụ sắt để xác định ranh với phần đất còn lại của ông Huỳnh Văn A. Đến năm 2007 ông V bán toàn bộ đất cha mẹ cho cùng với $\frac{1}{2}$ con mương mua thêm của ông A lại cho ông T1 với giá 50 triệu đồng, khi đó trụ sắt ranh vẫn còn. Sau đó quá trình sử dụng đất ông T1 có cho bà N vào cất nhà ở ngay vị trí con mương nên hiện nay cây trụ sắt ranh không còn, ông V cũng không xác định được vị trí trụ sắt trước đây.

Nay ông V không có yêu cầu gì trong vụ kiện. Ông V đồng ý với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định, định giá, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Về xác định ranh hai bên ý kiến ông V là cặp theo tường nhà của bà Nguyễn Kim N.

Phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Luật sư nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ranh đất giữa đất ông T với đất ông T1 là đường thẳng từ mốc 17 - mốc 22 của Sơ đồ đo đạc.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Về nội dung vụ án:* Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định ranh giới QSDĐ giữa đất bên ông T với đất ông T1 là đường thẳng từ mốc 17 - mốc 22 của Sơ đồ đo đạc ngày 08/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa đất 249 của bên nguyên đơn với thửa 49 của bị đơn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ranh giới QSDĐ. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn V và bà Nguyễn Kim N có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự có mặt tại phiên tòa đồng ý và đề nghị HĐXX tiến hành phiên tòa. Do đó, HĐXX căn cứ các điều

227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy nguyên đơn ông T yêu cầu xác định ranh giới QSDĐ giữa đất ông T thửa 249 với đất của bị đơn ông T1 thửa 49 là đường thẳng nối từ mốc 17 - mốc 22 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S; phía ông T1 không đồng ý mà xác định ranh giới giữa hai bên là đường thẳng nối từ mốc 18 - mốc 21 theo sơ đồ đo đạc. Qua đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo sơ đồ đo đạc Hình 2 có diện tích 12,6m² thuộc các mốc 17-18-21-22-17 là diện tích tranh chấp ranh giữa hai bên ông T và ông T1.

[2.1] Về nguồn gốc đất nguyên đơn thấy rằng: Theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập thể hiện thửa 249, tờ 1A diện tích 315m² (T) do UBND thị xã S cấp cho hộ ông Huỳnh Văn A (cha ông T) đứng tên ngày 07/01/1999. Theo quyết định số 1035/QĐ.UB.HC ngày 29/12/2005 của UBND thị xã S thu hồi 158,2m² đất để giải tỏa mặt bằng xây dựng dự án cải tạo nâng cấp QL80 nên diện tích còn lại 156,8m², trên đất có căn nhà của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T hiện nay đang ở.

[2.2] Về nguồn gốc đất của bị đơn: Theo ông T1 trình bày nguồn gốc đất của mẹ ông T1 là bà Đặng Thị T3 (chết 2005). Khi mẹ ông T1 còn sống theo thỏa thuận trong gia đình bà T3 cho hộ bà Nguyễn Thị S1 kê khai đứng tên QSDĐ, được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 23/3/2004 gồm hai thửa: 1643 diện tích 150m² (T) và thửa 1644 diện tích 349,6m² (LN), tờ bản đồ 1A, tổng diện tích được cấp 499,6m². Ngày 29/12/2005 UBND thị xã S ban hành quyết định số 1132/QĐ.UB.HC thu hồi 141,3m² thuộc một phần thửa 1643 để cải tạo nâng cấp QL80, nên diện tích còn lại 358,3m². Mặc dù bà S1 là người đứng tên QSDĐ nhưng người trực tiếp sử dụng đất là ông T1 và bà N, trên đất có nhà của ông T1 và nhà bà N đang ở.

[2.3] Năm 2018 bà Trần Kim P là người giáp ranh có khởi kiện tranh chấp ranh với bà S1 được Tòa án xét xử. Theo bản án phúc thẩm số 144/2018/DS-PT ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử đã xác định ranh giới giữa đất bà S1 với đất bà P, khi đó phần đất bà S1 đo đạc thực tế có tổng diện tích 403,1m², trong đó theo sơ đồ đo đạc có cạnh (chiều ngang) giáp QL 80 là 26,39m.

Sau khi bản án có hiệu lực, ngày 09/6/2020 bà S1 có làm đơn đăng ký biến động đất đai tăng diện tích (44,8m²) theo bản án 144/2018/DS-PT và được cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ ngày 05/10/2020, đổi số thửa 49, tờ 17 diện tích 403,1m². Đến ngày 10/6/2021 bà S1 hợp đồng chuyển nhượng trọn thửa 49, tờ 17 diện tích 403,1m² cho ông T1 đứng tên cho đến nay. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất 49 của ông T1 cũng có cạnh (chiều ngang) giáp QL80 là 26,39m.

[3] Quá trình thu thập chứng cứ các bên đương sự đều thừa nhận rằng đất bên ông T và ông T1 trước đây ngăn cách bởi con mương ranh (chiều ngang khoảng 6m), mỗi bên nửa mương. Ngày 07/02/1999 ông Hứa Văn V (chồng bà S1) có thỏa thuận giấy tay mua luôn phần nửa con mương của ông Huỳnh Văn A, sau đó ông V san lấp cát toàn bộ con mương. Đây là tình tiết các đương sự cùng thừa nhận

nên không cần chứng minh theo Điều 92 BLTTDS.

[4] HĐXX xét thấy theo giấy chứng nhận QSDĐ thửa 249 của ông Huỳnh Văn A cấp ngày 07/01/1999 theo hệ thống bản đồ giải thửa, không có đo đạc; trong khi thửa 49 của ông T1 được cấp ngày 28/10/2021 là cấp theo bản án, có đo đạc theo hệ thống bản đồ có tọa độ.

Qua xem xét, thẩm định, đo đạc thực tế, đối chiếu diện tích cấp giấy HĐXX thấy rằng: phần đất bên ông T diện tích cấp còn lại 156,8m², đo đạc thực tế 100,8m² (chưa tính diện tích tranh chấp 12,6m²) thì thiếu 56m²; Trong khi đó phần đất thửa 49 của ông T1 được cấp 403,1m², đo đạc thực tế 452,9m² (chưa tính diện tích tranh chấp 12,6m²) thì thừa 49,8m².

Mặt khác, theo ông T1 trình bày đất bên ông T1 trước khi ông V mua thêm nữa con mương có chiều ngang giáp QL80 là 25m, sau khi ông V mua thêm nữa con mương của ông Huỳnh Văn A chiều ngang 3,9m. Nên tổng cộng chiều ngang đất ông T1 cạnh giáp QL80 là 28,9m. Trong khi qua đo đạc thực tế thì chiều ngang đất ông T1 giáp QL80 hiện nay là 29,45m (chưa tính chiều ngang tranh chấp 0,74m). Ngoài ra, theo ông V là người mua nữa con mương trước đây trình bày xác định ranh đất sát vách nhà bà N là đúng với ranh của hai bên.

Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp.

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.

.....”

[5] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông T xác định ranh đất giữa đất bên ông T với đất ông T1 cấp theo vách tường nhà bà N là đường thẳng từ mốc 17 - mốc 22 của Sơ đồ đo đạc là có căn cứ chấp nhận. Qua đó, không chấp nhận ranh là đường thẳng nối từ mốc 18 - mốc 21 của Sơ đồ đo đạc như ông T1 đã xác định. Đối với phần diện tích tăng thêm bên ông T1 do mua thêm nữa con mương chưa kê khai thì ông T1 được quyền đăng ký biến động để được cấp QSDĐ theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Qua đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp nội dung vụ án, đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) không có giá ngạch và chịu toàn bộ chi phí đo

đạc, xem xét thẩm định và định giá theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 166, 170, 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T.
- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 249, tờ bản đồ số 1A do hộ ông Huỳnh Văn A (đã chết) đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 49, tờ bản đồ số 17 do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên quyền sử dụng đất là đường thẳng nối từ mốc 17 – mốc 22 của sơ đồ đo đạc ngày 08/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

(Có Biên bản xem xét, thẩm định ngày 25/01/2024 và sơ đồ đo đạc ngày 08/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S kèm theo).

- Các bên có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất đã được xác định, di dời các cơ sở vật chất, cây trồng (nếu có) lấn chiếm không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng của ranh đất đã xác định.

* Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1 nộp 300.000đ án phí DSST.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Thanh T nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0003247 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

* Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tổng cộng 4.519.440đ do ông Nguyễn Văn T1 chịu toàn bộ. Số tiền này ông T đã nộp tạm ứng 4.319.440đ; ông T1 đã nộp tạm ứng 200.000đ và chi xong, nên thu của ông T1 4.319.440đ trả lại cho ông T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày hôm nay tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- Viện Kiểm sát TP. Sa Đéc;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục Thi hành án TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Trí

